

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Kế hoạch số 181-KH/TU và Kế hoạch số 182-KH/TU ngày 21/11/2022 của Tỉnh ủy Cao Bằng về quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2026 và sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2023.

Thực hiện Thông báo kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo Kết luận, Kế hoạch quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022-2026, năm 2023 (nêu tại Công văn số 1752-CV/VPTU ngày 23/11/2022 của Văn phòng Tỉnh ủy).

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2023, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

2. Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

3. Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

4. Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Kết luận số 28-KL/TW, ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

5. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

6. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

7. Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026.

8. Quyết định số 119-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2022.

II. KẾ HOẠCH GIAO TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện biên chế sự nghiệp năm 2022 (tính đến ngày 30/9/2022)

1.1. Số biên chế sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2022

- Số biên chế Bộ Nội vụ giao năm 2022: **16.041 biên chế¹**, trong đó:
 - + Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **15.747 biên chế (98,17%)**;
 - + Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **289 biên chế (1,8%)**;
 - + Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính trong năm 2022: **05 biên chế (0,03%)**.

1.2. Kết quả thực hiện đến 30/9/2022 như sau:

- Số biên chế sử dụng: **15.073/16.041 biên chế (93,96%)**; số chưa sử dụng là 963 biên chế (6,04%), cụ thể:
 - + *Cấp tỉnh*: có mặt **4.975/5.385 biên chế (92,38%)**; số chưa sử dụng là 410 biên chế (7,62%);
 - + *Cấp huyện*: có mặt **10.098/10.651 biên chế (94,8%)**; số chưa sử dụng là 553 biên chế (5,2%);
 - + Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính trong năm 2022: **05 biên chế**.
- Lý do chưa sử dụng hết biên chế: Viên chức nghỉ hưu đúng tuổi theo Luật Bảo hiểm xã hội, thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chuyển công tác, thôi việc và do sắp xếp ĐVHC cấp huyện; số công chức trúng tuyển không đạt chỉ tiêu tuyển dụng theo kế hoạch...

2. Kế hoạch giao tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023

Tổng số người làm việc năm 2023: **16.269 biên chế**, trong đó: **15.682 biên chế hưởng lương từ NSNN (tăng 228 biên chế giáo viên bổ sung năm học**

¹ Công văn số 5924/BNV-TCBC ngày 25/11/2021 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Cao Bằng năm 2022.

2022-2023²), **587** biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị (**giảm 298** biên chế hưởng lương từ NSNN so với biên chế giao năm 2022).

Số biên chế để thực hiện phân bổ cho 27 đơn vị, địa phương.

- Sở, ban, ngành: **5.385** biên chế (33,09%), giảm **82** biên chế hưởng lương từ NSNN so với biên chế giao năm 2022, trong đó:

+ Biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 5.035 biên chế (93,50%) giảm **82** so với biên chế giao năm 2022;

+ Biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 350 biên chế (6,50%) tăng **82** biên chế so với biên chế giao năm 2022.

- UBND các huyện, thành phố: **10.879** biên chế (66,86%) giảm **211** biên chế hưởng lương từ NSNN so với biên chế giao năm 2022; **tăng 228** biên chế giáo viên bổ sung năm học 2022-2023, trong đó:

+ Biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.647 biên chế (97,86%) giảm **211** biên chế so với biên chế giao năm 2022;

+ Biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 232 biên chế (2,14%) tăng **211** biên chế so với biên chế giao năm 2022;

- Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 05 biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (0,03%).

Hiện nay, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã trình Thường trực tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao bổ sung **228** biên chế giáo viên theo nhu cầu biên chế còn thiếu so với định mức cho UBND các huyện, thành phố năm học 2022-2023 theo quy định tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị và Quyết định số 119-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2022.

(Có biểu số 01 kèm theo).

II. KẾ HOẠCH GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC HỘI ĐẶC THÙ NĂM 2023

1. Các Hội đặc thù cấp tỉnh: 63 biên chế;
2. Các Hội đặc thù cấp huyện: 11 biên chế;
3. Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 02 biên chế.

(Có biểu số 02 kèm theo).

² Bộ Chính trị giao bổ sung tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 2973/TTr-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2023.

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bích Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

BIỂU SỐ 01

BIỂU TỔNG HỢP GIAO TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 3069/TTr-UBND ngày 23/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2022					Dự kiến biên chế giao năm 2023				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó				Tổng	Trong đó			
			Hưởng lương từ NSNN	Biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Có mặt đến 31/10/2022	Biên chế chưa thực hiện		Biên chế hưởng lương từ NSNN	Biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Giảm biên chế hưởng lương từ NSNN so với năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	16.041	5.123	289	15.073	963	16.269	15.682	587	298	Giảm 298 biên chế hưởng lương từ NSNN; tăng 228 biên chế giáo viên bổ sung năm học 2022-2023
I	SỞ, NGÀNH	5.386	5.118	268	4.975	411	5.385	5.035	350	82	
1	Sở Nội vụ	15	15	0	15	0	15	15	0	0	
2	Sở Tư pháp	40	39	1	37	3	40	38	2	1	
3	Sở Công Thương	24	23	1	19	5	24	23	1	0	
4	Sở Nông nghiệp&PTNT	144	144	0	111	33	144	133	11	11	
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	75	0	70	5	75	73	2	2	
6	Sở Thông tin và Truyền thông	21	21	0	21	0	21	21	0	0	
7	Sở Lao động-Thương binh&Xã hội	196	194	2	181	15	196	191	5	3	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	216	2	196	22	218	214	4	2	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	40	4	30	14	44	40	4	0	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.317	1307	10	1.239	78	1.317	1287	30	20	
11	Sở Y tế	3.166	2926	240	2.958	208	3.166	2887	279	39	
12	Sở Ngoại vụ	7	7	0	7	0	7	7	0	0	
13	Văn phòng UBND tỉnh	17	17	0	14	3	17	17	0	0	

14	BQL khu kinh tế tỉnh	11	7	4	10	1	11	5	6	2	
15	Đài Phát thanh-Truyền hình	86	82	4	62	24	86	80	6	2	
16	Quỹ Phát triển đất	3	3	0	3	0	3	3	0	0	
17	Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ tỉnh	2	2	0	2	0	2	2	0	0	
II	HUYỆN, THÀNH PHỐ	10.650	0	21	10.098	552	10.879	10.647	232	211	
1	Bảo Lâm	1.359	1359	0	1162	197	1.381	1356	25	25	
2	Bảo Lạc	1.174	1174	0	1160	14	1.198	1173	25	25	
3	Hà Quảng	1.579	1573	6	1486	93	1.596	1570	26	20	
4	Hạ Lang	536	536	0	508	28	556	546	10	10	
5	Hòa An	935	935	0	925	10	947	925	22	22	
6	Nguyễn Bình	919	919	0	867	52	941	915	26	26	
7	Quảng Hòa	1.241	1241	0	1149	92	1.260	1235	25	25	
8	Thạch An	686	686	0	667	19	700	684	16	16	
9	Trùng Khánh	1.285	1280	5	1266	19	1.308	1286	22	17	
10	TP. Cao Bằng	936	926	10	908	28	991	956	35	25	
III	SỐ BIÊN CHẾ THU HỒI SAU SÁP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	5	5				5	0	5	5	

**BIỂU DỰ KIẾN GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP
ĐỐI VỚI CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số 3069/TTr-UBND ngày 23/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2022	Có mặt đến tháng 31/10/2022	Biên chế chưa sử dụng	Dự kiến biên chế giao năm 2023		Ghi chú
					Giao năm 2023	Giảm so với giao năm 2022	
	TỔNG CỘNG	76	70	6	76	0	
I	CÁC HỘI Ở CẤP TỈNH	63	59	6	63	0	
1	Liên minh Hợp tác xã	14	12	2	14	0	
2	Hội Văn học nghệ thuật	7	7	0	7	0	
3	Hội Chữ thập đỏ	7	7	0	7	0	
4	Hội Người mù	5	5	0	5	0	
5	Hội Đông y	6	3	3	6	0	
6	Hội Nhà báo	5	4	1	5	0	
7	Hội Khuyến học	1	1	0	1	0	
8	Hội Luật gia	1	1	0	1	0	
9	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	1	1	0	1	0	
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6	6	0	6	0	
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	1	1	0	1	0	
12	Hội Lâm vườn	3	3	0	3	0	
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	1	1	0	1	0	
14	Hội Cựu thanh niên xung phong	1	1	0	1	0	
15	Hội Kiến trúc sư	1	1	0	1	0	
16	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1	1	0	1	0	
17	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2	2	0	2	0	

II	HỘI CHỦ THẬP ĐỎ TẠI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	11	11	0	11	0	
1	Bảo Lâm	1	1	0	1	0	
2	Bảo Lạc	1	1	0	1	0	
3	Hà Quảng	2	2	0	2	0	
4	Hạ Lang	1	1	0	1	0	
5	Hòa An	1	1	0	1	0	
6	Nguyễn Bình	1	1	0	1	0	
7	Quảng Hòa	1	1	0	1	0	
8	Thạch An	1	1	0	1	0	
9	Trùng Khánh	1	1	0	1	0	
10	TP. Cao Bằng	1	1	0	1	0	
III	SỐ BIÊN CHẾ THU HỒI SAU SÁP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	2			2		

Số: /NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị
lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ
thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các
đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban
hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự
nghiệp công lập;*

*Căn cứ Công văn số 6000/BNV-TCBC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ
Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp
công lập năm 2018;*

*Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban
Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ...tháng ...năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc thông qua tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công
lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2023; Báo cáo
thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2023, cụ thể như sau:

I. Các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): 16.269 biên chế, trong đó:

1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao
 - Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **15.682** biên chế (96,39%);
 - Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **587** biên chế (3,61%);
2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao
 - Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành: **5.385** biên chế (33,58%), trong đó:
 - + Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 5.035 biên chế (93,50%).
 - + Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 350 biên chế (6,50%).
 - Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thành phố: **10.879** biên chế (66,86%), trong đó:
 - + Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.647 biên chế (97,86%);
 - + Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 232 biên chế (2,14%).
 - Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: **05** biên chế (0,03%).

II. Các tổ chức hội có tính chất đặc thù: 76 biên chế, trong đó:

1. Các Hội đặc thù cấp tỉnh: 63 biên chế;
2. Các Hội đặc thù cấp huyện: 11 biên chế;
3. Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 02 biên chế.

(Có Phụ lục giao biên chế kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2022-2023²), **587** biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị (**giảm 298** biên chế hưởng lương từ NSNN so với biên chế giao năm 2022).

Số biên chế để thực hiện phân bổ cho 27 đơn vị, địa phương.

- Sở, ban, ngành: **5.385** biên chế (33,09%), giảm **82** biên chế hưởng lương từ NSNN so với biên chế giao năm 2022, trong đó:

+ Biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 5.035 biên chế (93,50%) giảm **82** so với biên chế giao năm 2022;

+ Biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 350 biên chế (6,50%) tăng **82** biên chế so với biên chế giao năm 2022.

- UBND các huyện, thành phố: **10.879** biên chế (66,86%) giảm **211** biên chế hưởng lương từ NSNN so với biên chế giao năm 2022; **tăng 228** biên chế giáo viên bổ sung năm học 2022-2023, trong đó:

+ Biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.647 biên chế (97,86%) giảm **211** biên chế so với biên chế giao năm 2022;

+ Biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 232 biên chế (2,14%) tăng **211** biên chế so với biên chế giao năm 2022;

- Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 05 biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (0,03%).

Hiện nay, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã trình Thường trực tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao bổ sung **228** biên chế giáo viên theo nhu cầu biên chế còn thiếu so với định mức cho UBND các huyện, thành phố năm học 2022-2023 theo quy định tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị và Quyết định số 119-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2022.

(Có biểu số 01 kèm theo).

II. KẾ HOẠCH GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC HỘI ĐẶC THÙ NĂM 2023

1. Các Hội đặc thù cấp tỉnh: 63 biên chế;

2. Các Hội đặc thù cấp huyện: 11 biên chế;

3. Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 02 biên chế.

(Có biểu số 02 kèm theo).

² Bộ Chính trị giao bổ sung tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 2973/TTr-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2023.

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bích Ngọc

Phụ lục

TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Người làm việc

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
A	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	16.269	15.681	587	11.673	267	2.952	279	480	10	42	4	535	27
I	Sở, ban, ngành	5.386	5.035	350	1.413	35	2.952	279	294	10	42	4	335	22
1	Sở Nội vụ	15	15	0									15	
2	Sở Tư pháp	40	38	2									38	2
3	Sở Công Thương	24	23	1									23	1
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	144	133	11									133	11
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	73	2									73	2
6	Sở Thông tin và Truyền thông	21	21	0									21	0
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	196	191	5	126	5	65							
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	214	4					214	4				
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	40	4							40	4		

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.317	1287	30	1287	30								
11	Sở Y tế	3.166	2887	279			2887	279						
12	Sở Ngoại vụ	7	7	0									7	0
13	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	17	17	0									17	0
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	11	5	6									5	6
15	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	86	80	6					80	6				
16	Quỹ Phát triển đất	3	3	0									3	0
17	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh	2	2	0							2	0		
II	UBND các huyện, thành phố	10.878	10.646	232	10.260	232	0	0	186	0	0	0	200	0
1	UBND huyện Bảo Lâm	1.381	1356	25	1.321	25			19				16	
2	UBND huyện Bảo Lạc	1.198	1173	25	1.151	25			10				12	
3	UBND huyện Hà Quảng	1.596	1570	26	1.518	26			28				24	
4	UBND huyện Hạ Lang	556	546	10	519	10			16				11	

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
5	UBND huyện Hoà An	947	925	22	896	22			12				17	
6	UBND huyện Nguyên Bình	941	915	26	882	26			17				16	
7	UBND huyện Quảng Hoà	1.260	1235	25	1.186	25			22				27	
8	UBND huyện Thạch An	700	684	16	655	16			16				13	
9	UBND huyện Trùng Khánh	1.308	1286	22	1.234	22			26				26	
10	UBND thành phố Cao Bằng	991	956	35	898	35			20				38	
III	Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính	5	0	5									0	5
B	TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ	76												
I	Các hội ở cấp tỉnh	63												
1	Liên minh Hợp tác xã	14												
2	Hội Văn học nghệ thuật	7												
3	Hội Chữ thập đỏ	7												
4	Hội Người mù	5												

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực										
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
5	Hội Đông y	6												
6	Hội Nhà báo	5												
7	Hội Khuyến học	1												
8	Hội Luật gia	1												
9	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	1												
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6												
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	1												
12	Hội Làm vườn	3												
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam điôxin	1												
14	Hội Cựu thanh niên xung phong	1												
15	Hội Kiến trúc sư	1												
16	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1												
17	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2												

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực										
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
II	Hội Chữ thập đỏ tại các huyện, thành phố	11												
1	Bảo lâm	1												
2	Bảo Lạc	1												
3	Hà Quảng	2												
4	Hạ Lang	1												
5	Hòa An	1												
6	Nguyên Bình	1												
7	Quảng Hòa	1												
9	Thạch An	1												
12	Trùng Khánh	1												
13	Thành phố Cao Bằng	1												
III	Số biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính	2												